TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM NÔNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2024/HS-ST
Ngày 12-6-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Minh Phụng

Ông Nguyễn Hữu Phúc

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Nhàn, Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Phục - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/2024/TLST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2024 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số: 05/TB-TA ngày 17 tháng 5 năm 2024, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1997, tại tỉnh Đồng Tháp; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1966 và bà Lê Thị Mỹ C, sinh năm 1966; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: ngày 20/9/2019, Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 10 tháng tù, về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/7/2020 (đã xóa án tích); tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên toà.

Bị hại: Ngô Thị H, sinh năm 1971, *có đơn xin vắng mặt*.
Địa chỉ: ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:
1. Nguyễn Văn N, sinh năm 1986, *có đơn xin vắng mặt.*
2. Nguyễn Thị Ngọc L1, sinh năm 1990, *vắng mặt.*

3. Võ Duy T1, sinh năm 1978, *vắng mặt.*
Địa chỉ: ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.
4. Nguyễn Thị Thanh T2, sinh năm 1991, *vắng mặt*.
Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

5. Trần Văn T3, sinh năm 1991, *có đơn xin vắng mặt.*
6. Nguyễn Văn K, sinh năm 1964, *có đơn xin vắng mặt.*
7. Nguyễn Văn L, sinh năm 1966, *có đơn xin vắng mặt.*
Địa chỉ: ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người làm chứng:
1. Ngô Thanh T4, sinh năm 1979, *vắng mặt.*
Địa chỉ: ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.
2. Lê Thị N1, sinh năm 1966, *vắng mặt.*
Địa chỉ: ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 19/12/2023, Nguyễn Văn T đến tiệm tạp hóa của Ngô Thị H ở ấp L, xã P để mua card điện thoại. Khi đứng mua, T để ý trước cửa tiệm chỉ rào lưới B40, nên nảy sinh ý định trộm tài sản. Đến 01 giờ ngày 20/12/2023, T lấy 02 cây móc quần áo ở nhà (loại nhôm màu trắng) bẻ thẳng ra rồi dùng băng keo dính màu đen nối 02 đầu cây móc lại thành 01 đoạn thẳng dài 02 mét, 01 đầu bẻ cong, đầu còn lại cột 01 bọc nylon màu đen. Chuẩn bị xong, T đi bộ đến tiệm tạp hóa của H đưa cây móc vào bên trong móc thức ăn thì nhìn thấy bên trong có nhiều thùng bia để gần cửa, bên ngoài cửa khóa 02 ổ khóa (loại khóa vòng). T bỏ cây móc ở tiệm trở về nhà lấy cây kìm sửa điện của gia đình rồi trở lại tiệm tạp hóa của H. Tại đây, T nhìn thấy nhà T5 cặp vách tiệm tạp hóa có gắn camera, T cởi áo thun che camera lại rồi dùng kìm cắt đứt dây 02 ổ khóa. Cắt xong, T đi bộ về nhà lấy xe đẩy của Nguyễn Văn K (đối diện nhà T) kéo đến tiệm tạp hóa lấy 16 thùng bia (14 thùng bia nhãn hiệu Sài Gòn Lager, 01 thùng bia nhãn hiệu Sài Gòn L đã khui còn lại 21 lon, 01 thùng bia nhãn hiệu H3) chất lên xe rồi kéo đi hướng vào xã P.

Khi đến gần nhà, T vào nhà lấy xe mô tô biển số 62T3-1176 (xe của Nguyễn Văn L cha ruột T) chạy kéo xe đẩy đi, trên đường đi T ném bỏ cây kìm cắt dây khóa tại tiệm tạp hóa xuống sông (T không nhớ ném chỗ nào nên cơ quan điều tra không thu giữ được) rồi tiếp tục chạy hướng ra ấp L, xã P. Khi đến nhà Võ Duy T1 (bạn T) ở ấp L, xã P xe đẩy bị bể bánh. Lúc này khoảng 05 giờ cùng ngày, T kêu T1 gửi xe đẩy trước cửa nhà, rồi điều khiển xe đến nhà Nguyễn Thị Ngọc L1 ở ấp L, xã P nhờ L1 gọi điện cho Nguyễn Văn N (nhà N bán tạp hóa và có mua bán bia), T nói nhà có đám còn dư lại 16 thùng bia với giá

3.320.000 đồng, (S Lager giá 200.000 đồng/ thùng, Heineken S Coolpack giá 320.000 đồng). Bán bia cho N xong, T đến tiệm điện thoại di động của Trần Văn T3 ở ấp L, xã P lại điện thoại di động của T đã cầm trước đó 1.100.000 đồng; số tiền còn lại T tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 27/12/2023, T đến Công an xã P đầu thú và thừa nhận do không có tiền tiêu xài cá nhân nên mới thực hiện hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Kết luận định giá tài sản số: 01/KL-ĐGTS ngày 10/01/2024 của Hội đồng định giá thường xuyên trong Tố tụng hình sự huyện T, kết luận: 14 thùng bia nhãn hiệu S1 (thùng 24 lon, loại 330ml/lon), ngày sản xuất 07/9/2023, hạn sử dụng 07/9/2024, giá trị định giá 264.000 đồng/thùng (14 thùng x 264.000 đồng/ thùng = 3.696.000 đồng); 01 thùng bia nhãn hiệu Sài Gòn L (thùng 21 lon, loại 330ml/lon), ngày sản xuất 07/9/2023, hạn sử dụng 07/9/2024, giá trị định giá là: Cách tính lấy 264.000 đồng/ thùng chia cho 24 lon/ thùng bằng giá trị của 01 lon sau đó nhân lại 21 lon (264.000 đồng/ thùng : 24 lon/ thùng x 21 lon = 231.000 đồng); 01 thùng bia nhãn hiệu Heineken S (thùng 24 lon, loại 250ml/lon), ngày sản xuất 30/10/2023, hạn sử dụng 30/7/2024, giá trị định giá là: 365.000 đồng/thùng (01 thùng x 365.000 đồng/thùng = 365.000 đồng). Tổng cộng giá trị định giá là: 3.696.000 đồng + 231.000 đồng + 365.000 đồng = 4.292.000 đồng.

Vật chứng thu giữ, gồm: Nguyễn Văn N: 13 thùng bia nhãn hiệu Sài Gòn L (thùng 24 lon, loại 330ml/lon), ngày sản xuất 07/9/2023, hạn sử dụng 07/9/2024; 01 thùng bia nhãn hiệu Sài Gòn L (chỉ còn 21 lon, loại 330ml/lon), ngày sản xuất 07/9/2023, hạn sử dụng 07/9/2024; 01 thùng bia nhãn hiệu Heineken Siver Coolpack (thùng 24 lon, loại 250ml/lon), ngày sản xuất 30/10/2023, hạn sử dụng 30/7/2024. Ngô Thị H: 02 ổ khóa vòng bằng kim loại đã bị cắt đứt, không còn giá trị sử dụng. Trần Văn T3: Tiền Việt Nam 1.100.000 đồng. Nguyễn Văn T: 01 đoạn kim loại màu trắng dài 02 mét, 01 đầu được làm thành dạng móc, 01 đầu có cột 01 bọc nylon màu đen, ở giữa đoạn kim loại có quấn băng keo dính màu đen; 01 áo thun màu đỏ không nhãn hiệu, tay dài, ở phần cổ áo có viềng màu vàng (đã qua sử dụng). Nguyễn Văn L : 01 xe mô tô biển số 62T3-1176 và Nguyễn Văn K: 01 xe đẩy khung bằng gỗ.

Tại Cáo trạng số: 17/CT-VKSTN ngày 12 tháng 4 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên phân tích các tình tiết cấu thành tội phạm và khẳng định cáo trạng truy tố bị cáo T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T, phạm tội "Trộm cắp tài sản" mức hình phạt từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T bồi thường cho bị hại Ngô Thị H số tiền 264.000 đồng; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn N số tiền 2.020.000 đồng và Trần Văn T3 số tiền 1.100.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 02 ổ khóa vòng bằng kim loại đã bị cắt đứt, (thu giữ của H) và 01 đoạn kim loại màu trắng dài 02 mét, 01 đầu được làm thành dạng móc, 01 đầu có cột 01 bọc nylon màu đen, ở giữa đoạn kim loại có quấn băng keo dính màu đen; 01 áo thun màu đỏ không nhãn hiệu, tay dài, ở phần cổ áo có viền màu vàng (thu giữ của T).

Bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội "Trộm cắp tài sản" như nội dung cáo trạng đã truy tố và luận tội của Kiểm sát viên, không tham gia tranh luận với Kiểm sát viên. Lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị hại H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan N, T3, K và L có đơn xin vắng mặt tại phiên toà; Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan L1, T1 và người làm chứng Tiền, N1 vắng mặt tại phiên toà không có lý do. Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đã có lời khai tại Cơ quan điều tra và đã trình bày yêu cầu trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt bà H, L1, N1 và ông N, T1, T3, K, L và T4 theo quy định tại Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu chứng cứ sau: Biên bản khám nghiệm hiện trường, Sơ đồ hiện trường và Bản ảnh cùng ngày 26/12/2023 của Công an huyện T; Bản kết luận định giá tài sản số: 01/KL-ĐGTS ngày 10/01/2024 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong Tố tụng hình sự huyện T, tỉnh

Đồng Tháp; Lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, cùng toàn bộ chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 19/12/2023, bị cáo Nguyễn Văn T đến tiệm tạp hóa của bà H ở ấp L, xã P để mua card điện thoại và đã nảy sinh ý định trộm tài sản, đến khoảng 01 giờ ngày 20/12/2023, bị cáo lấy cây kìm sửa điện của gia đình, rồi một mình đi đến tiệm tạp hóa của H ở ấp L, xã P cắt đứt dây 02 ổ khóa cửa (loại khóa vòng). Cắt xong, bị cáo đi bộ về nhà lấy xe đẩy của ông Nguyễn Văn K (đối diện nhà bị cáo) và xe mô tô biển số 62T3-1176 của ông Nguyễn Văn L (cha ruột bị cáo) chạy đến tiệm tạp hóa trộm 16 thùng bia (14 thùng bia nhãn hiệu Sài Gòn Lager, 01 thùng bia nhãn hiệu Sài Gòn L đã khui còn lại 21 lon, 01 thùng bia nhãn hiệu H3) chở đến ấp L, xã P bán cho Nguyễn Văn N. Theo kết luận định giá tổng tài sản bị chiếm đoạt có giá trị 4.292.000 đồng đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

……

Hành vi của bị cáo là xem thường pháp luật, nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác trái pháp luật, ảnh hưởng đến tình hình trật tự, trị an ở địa phương. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo biết rõ nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo có nhân thân không tốt đã bị Tòa án xử phạt tù về hành trộm cắp tài sản nhưng khi ra tù không biết sửa đổi bản thân lại tiếp tục phạm tội. Bên cạnh đó, bị cáo đang ở độ tuổi lao động, có đủ sức khoẻ để lao động tạo thu nhập nuôi sống bản thân nhưng với bản tính lười lao động, mong muốn có tiền nhanh để tiêu xài thỏa mãn bản thân nên đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bà H. Do đó, cần thiết phải áp dụng mức hình phạt tương xứng để ngăn ngừa, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Về tình tiết tặng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; gia đình bị cáo đang thời cúng liệt sĩ Nguyễn Thanh H1 (Theo xác nhận ngày 26/02/2024 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp). Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo làm thuê thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, đã thu hồi một phần tài sản là 15 thùng bia (gồm Sài gòn L2 và Heineken Siver C1) thu giữ của Nguyễn Văn N, cơ quan điều tra đã trao trả cho bị hại. Còn 01 thùng Sài gòn L đã bán cho người khác không thu hồi được, bị hại H yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền 264.000 đồng. Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 15/5/2024 bị hại H vẫn tiếp tục yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền là 264.000 đồng. Đối với 02 ổ khóa đã bị cắt hư hỏng, bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Đối với Nguyễn Văn N mua 16 thùng bia của bị cáo T với giá 3.320.000 đồng (trong đó, N lấy 01 thùng S Lager bán cho khách với giá 200.000 đồng, cơ quan Cảnh sát điều tra trao trả cho N nhận lại số tiền 1.100.000 đồng do thu giữ của Trần Văn T3), còn lại số tiền 2.020.000 đồng bị cáo chưa bồi thường cho anh N. Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 15/5/2024 anh N yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền là 2.020.000 đồng.

Đối với Trần Văn T3: Bị cáo T có giao số tiền 1.100.000 đồng cho anh T3 để chuộc lại điện thoại của bị cáo, cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ của anh T3 số tiền 1.100.000 đồng để trả cho anh N nhưng bị cáo chưa bồi thường số tiền này cho anh T3. Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 15/5/2024 anh T3 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền là 1.100.000 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường cho bà H số tiền 264.000 đồng, đồng ý bồi thường cho anh N số tiền 2.020.000 đồng và anh T3 số tiền 1.100.000 đồng nên chấp nhận. Buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho bà H số tiền 264.000 đồng, anh N số tiền 2.020.000 đồng và anh T3 số tiền 1.100.000 đồng.

[7] Về xử lý vật chứng của vụ án:

Quá trình điều tra, đã trả lại bà H 13 thùng bia nhãn hiệu Sài Gòn L (thùng 24 lon, loại 330ml/lon), ngày sản xuất 07/9/2023, hạn sử dụng 07/9/2024; 01 thùng bia nhãn hiệu Sài Gòn L (chỉ còn 21 lon, loại 330ml/lon), ngày sản xuất 07/9/2023, hạn sử dụng 07/9/2024; 01 thùng bia nhãn hiệu Heineken Siver Coolpack (thùng 24 lon, loại 250ml/lon), ngày sản xuất 30/10/2023, hạn sử dụng 30/7/2024 xong, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với Tiền Việt Nam 1.100.000 đồng thu giữ của Trần Văn T3, đã trả cho Nguyễn Văn N nhận lại xong nên không xem xét giải quyết.

Đối với xe mô tô biển số 62T3-1176, quá trình điều tra xác định thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị Thanh T2. Biên bản ghi lời khai ngày 28/3/2024 bà T2 khai xe mô tô trên đã bán cho người khác, không làm giấy tay, xe không bị mất trộm. Ngoài ra, theo Biên bản ghi lời khai ngày 04/01/2024 ông L khai xe mô tô trên do ông mua lại của người khác, chủ sở hữu tên Nguyễn Thị Thanh T2. Bà

T2 không có yêu cầu được nhận lại xe và cơ quan điều tra đã trả lại xe cho ông L nhận lại xong nên không xem xét giải quyết.

Đối với 01 xe đẩy khung bằng gỗ: Quá trình điều tra xác định thuộc sở hữu của ông Nguyễn Văn K, cơ quan điều tra đã trả lại cho ông K nhận lại xong nên không xem xét giải quyết.

Đối với 02 ổ khóa vòng bằng kim loại đã bị cắt đứt, không còn giá trị sử dụng thu giữ của bà H không yêu cầu nhận lại; 01 đoạn kim loại màu trắng dài 02 mét, 01 đầu được làm thành dạng móc, 01 đầu có cột 01 bọc nylon màu đen, ở giữa đoạn kim loại có quấn băng keo dính màu đen; 01 áo thun màu đỏ không nhãn hiệu, tay dài, ở phần cổ áo có viềng màu vàng, (đã qua sử dụng) thu giữ của bị cáo T. Xét thấy, tất cả vật chứng nêu trên đã bị hư hỏng và không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy là phù hợp theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8] Đối với Võ Duy T1 đồng ý cho bị cáo T gửi xe đẩy chở bia trước cửa nhà và Nguyễn Thị Ngọc L1 gọi điện thoại giúp bị cáo T bán bia. Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã chứng minh Trinh và Lê không biết bia do bị cáo T trộm cắp mà có và không hưởng lợi từ bị cáo T nên không xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự.

[9] Quá trình điều tra chứng minh Nguyễn Văn K và Nguyễn Văn L, không biết bị cáo T lấy xe đẩy và xe mô tô biển số 62T3-1176 sử dụng vào việc phạm tội nên không xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông K và L.

[10] Đối với Nguyễn Văn N mua bia của bị cáo T nhưng không biết do bị cáo phạm tội mà có nên không xem xét trách nhiệm hình sự.

[11] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tại phiên tòa là có cơ sở, phù hợp với nhận định nêu trên nên chấp nhận.

[12] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23, 26 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị H2 số tiền 264.000 đồng (Hai trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T có trách nhiệm bồi thường cho anh Nguyễn Văn N số tiền 2.020.000 đồng (Hai triệu, không trăm hai mươi nghìn đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T có trách nhiệm bồi thường cho anh Trần Văn T3 số tiền 1.100.000 đồng (Một triệu, một trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 02 (hai) ổ khóa vòng bằng kim loại đã bị cắt đứt; 01 (một) đoạn kim loại màu trắng dài 02 mét, 01 đầu được làm thành dạng móc, 01 đầu có cột 01 bọc nylon màu đen, ở giữa đoạn kim loại có quấn băng keo dính màu đen; 01 (một) áo thun màu đỏ không nhãn hiệu, tay dài, ở phần cổ áo có viềng màu vàng, (đã qua sử dụng).

(Tất cả vật chứng nêu trên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp đang quản lý).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23, 26 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đông (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tam Nông;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- CQ CSĐT CA H. Tam Nông;
- CQ THAHS CA H. Tam Nông;
- Nhà tạm giữ CA H. Tam Nông;
- Chi cục THADS H. Tam Nông;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Huỳnh Kim Oanh